

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS-ST

Ngày: 16 – 5 – 2022

V/v tranh chấp yêu cầu mở lối đi,  
tháo dỡ hàng rào vào nền mộ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vinh Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thanh Tâm

Bà Tăng Thị Bạch Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Luyến-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2021/TLST-DS, ngày 02 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp yêu cầu mở lối đi, tháo dỡ hàng rào vào nền mộ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-DS, ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 378/TB-TA, ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 1222, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Lê Thị A, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 298, ấp C, xã Đ, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

3. Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 158, ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông Lê Văn H2, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 94/1, ấp Số X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1975, địa chỉ: Số 209, ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy ủy quyền ngày 11/5/2022.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 09/1, ấp Số X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1980

3. Bà Ngô Thị Kim A, sinh năm 1940

4. Ông Lê Văn H2, sinh năm 1979

5. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1983

6. Bà Lê Thanh Th (Lê Thị Thanh Th), sinh năm 1980

7. Bà Lê Thị Thảo L, sinh năm 1986

8. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Số 94/1, ấp Số X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

9. Bà Lê Thị Kim S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

10. Bà Mai Thị N, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 576/1, ấp Số X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo Đơn khởi kiện ngày 16/5/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị P, bà Lê Thị A và bà Lê Thị Ph thống nhất trình bày:*

Cha mẹ của các bà là ông Lê Văn H (hết năm 1993) và bà Nguyễn Thị Ng (hy sinh năm 1974), có 04 người con chung là:

1/ Ông Lê Văn H (chết), có một người con bà Lê Thị D

2/ Bà Lê Thị Ph

3/ Bà Lê Thị A

4/ Bà Lê Thị P

Sinh thời cha mẹ có tạo lập phần đất vườn, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.942,8m<sup>2</sup>, tại hai thửa 75 và 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Có phần mộ của mẹ, là Liệt sĩ bà Nguyễn Thị Ng, đã yên nghỉ tại đây từ năm 1974; phần mộ thứ hai là của cha, ông Lê Văn H, và phần mộ thứ ba, là của anh trai ông Lê Văn H.

Di sản của cha, mẹ đã được phân chia thừa kế theo Bản án số 25/2019/DS-ST, ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Bản án phúc thẩm số

455/2020/DS-PT, ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11/12/2020, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng đã thực hiện đo đất theo bản án đã tuyên, gia đình có quyền sử dụng  $199\text{m}^2$ , thế nhưng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng chỉ thực đo được  $194\text{m}^2$ , diện tích còn thiếu là  $05\text{m}^2$  (năm mét vuông) là phần đất có mồ mả cha mẹ và anh các bà, theo cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng cho rằng: Mồ mả là của chung, không của riêng ai.

Ông Lê Văn H2 và em ruột ông Tr đã rào mồ mả cha mẹ và anh, không cho chị, em các bà vào thăm viếng. Ông H2 còn ra lệnh từ đây cho đến ngày Thanh Minh phải bốc mộ, mang hài cốt của anh các bà (ông H) ra khỏi đất đang chôn, trả lại đất cho Ông H2. Ông H2 đã rào hết diện tích đất mồ mả, chị em bà không thể vào mộ cha mẹ, bởi Ông H2 đã rào không có lối qua.

Nay các bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông H2 phải tháo dỡ rào trong khu mộ, cho các bà đi lại thăm viếng tự do.

Đất có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp đất Lê Thanh H1: 05m.
- Hướng Nam giáp đất Lê Văn H2: 05m.
- Hướng Đông giáp đất Lê Văn Đ: 05m.
- Hướng Tây giáp đất Lê Văn H2: 05 m.

Phần đất  $1\text{m} \times 5\text{m} = 5\text{m}^2$  phía sau của Lê Thanh H1 giáp với phần đất mồ mả, các bà sẽ hoàn trả trị giá đất cho ông Lê Văn H2.

*\*Tại văn bản ghi ý kiến ngày 11/5/2022, bị đơn ông Lê Văn H2 trình bày:*

Nội dung khởi kiện của các nguyên đơn là không đúng sự thật, bởi những lẽ sau:

-Thứ nhất: Ông không có yêu cầu hay ép buộc các nguyên đơn là phải lấy hài cốt ông, bà, cha, mẹ hay anh, em ra khỏi nền mộ gia tộc (việc này các nguyên đơn nói oan cho ông).

- Thứ hai: Ông cũng không cấm đoán các nguyên đơn vào thăm viếng mồ mả, vì đây là mồ mả trong gia tộc, ông đâu ngăn cản làm gì.

-Thứ ba: Ông cũng không rào chắn mồ mả bằng vật liệu kiên cố nào, mà ông chỉ lấy lưới rào tạm quanh mộ để tránh gà, vịt vào phóng huế lên mồ mả cha mẹ. Phần lưới rào này vẫn có cửa ra vào (chỉ cần kéo lưới sang một bên là vào được bên trong). Như vậy, rõ ràng ông đâu có ngăn cản các nguyên đơn vào thăm viếng mồ mả cha, mẹ, anh, em.

-Thứ tư: Tại biên bản hòa giải cơ sở ông cũng đã nói rõ tất cả những điều này, nhưng không hiểu sao các nguyên đơn vẫn cho rằng ông ngăn cản không cho vào thăm mồ mả và đi kiện ông đến Tòa án, làm phiền đến cơ quan Nhà nước như vậy. Ông khẳng định lại một lần nữa là ông không ngăn cản, cấm đoán các

nguyên đơn vào thăm mồ mả ông, bà, cha, mẹ, anh em. Ông cũng không yêu cầu các nguyên đơn di dời hài cốt bất cứ ai đi đâu. Các nguyên đơn muốn vào thăm viếng mồ mả bất cứ lúc nào thì tùy ý các nguyên đơn. Từ những phân tích trên và căn cứ vào biên bản hòa giải cơ sở thì việc khởi kiện của các nguyên đơn là không có căn cứ. Ông đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

*\*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*\*Theo Công văn số 730/CTHADS-NV, ngày 30/6/2021, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng cho biết như sau:*

Căn cứ Bản án số 455/2020/DS-PT, ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh; Bản án số 25/2019/DS-ST, ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng; Quyết định thi hành án số 30/QĐ-CTHADS, ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng, thì:

*“Ông Lê Thanh H1 được hưởng và được quyền quản lý, sử dụng di sản của cụ Nguyễn Thị Ng và cụ Lê Văn H đối với diện tích đất là 199m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và các cây trồng gắn liền với đất gồm: 01 cây Dừa loại A, 02 cây Dừa loại C, 01 cây Cà na.*

*Phần đất có vị trí; số đo tứ cận cụ thể như sau:*

- *Hướng Đông giáp Lê Văn Đ có số đo 41,33m + 3,34m + 8,02m + 0,51m;*
- *Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 76, có số đo 53,2m;*
- *Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa số 76 (nền mộ) có số đo 5,2m;*
- *Hướng Bắc giáp Huyện lộ 2 (đường Tỉnh 932C) có số đo 3,9m.”*

Quá trình tổ chức thi hành án, ngày 11/12/2020 Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng phối hợp với các Cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc và giao cho ông Lê Thanh H1. Ông H1 đồng ý nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế là 194,6m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa số 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và các cây trồng gắn liền với đất gồm: 01 cây Dừa loại A, 02 cây Dừa loại C, 01 cây Cà na.

*Phần đất số đo, tứ cận cụ thể như sau:*

- *Hướng Đông giáp Lê Văn Đ có số đo 41,33m+3,04m +6,93m;*
- *Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 76, có số đo 51,00m;*
- *Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa số 76 (nền mộ) có số đo 5,2m;*
- *Hướng Bắc giáp đường Tỉnh 932C có số đo 3,9m.*

Như vậy, diện tích đất theo đo đạc thực tế là 194,6m<sup>2</sup>, giảm 4,4m<sup>2</sup> so với diện tích theo bản án tuyên, lý do giảm: diện tích 199m<sup>2</sup> theo nội dung bản án tuyên là chưa trừ Taluy lộ, diện tích giảm 4,4m<sup>2</sup> là phần Taluy lộ.

Đối với nội dung: "*phần diện tích còn thiếu 05m<sup>2</sup> là phần đất có mồ mả cha, mẹ và anh, cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng cho rằng: Mồ mả là của chung, không của riêng ai*", là theo trình bày của bà Lê Thị P, bà Lê Thị A và bà Lê Thị Ph.

*\*Theo Công văn số 13/TA-TDS, ngày 10/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng cho biết như sau:*

Theo Bản án sơ thẩm số 25/2019/DS-ST, ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử xác định các thửa đất số 75 và 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số I, xã Đ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung và là di sản thừa kế của cụ Lê Văn H và cụ Nguyễn Thị Ng để lại.

Xét thấy, trên phần đất thuộc thửa số 76 tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số I, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng có 1 phần là nền mộ do các thành viên trong gia đình tự chôn cất, xây dựng; thửa đất số 76 nằm trong khu vực dân cư và không thuộc quy hoạch đất làm nghĩa trang, nghĩa địa theo quy định tại Điều 162 của Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định phân chia toàn bộ di sản thừa kế tại các thửa đất số 75 và 76 nêu trên cho các đồng thừa kế của cụ H, cụ Ng.

Theo quyết định của bản án sơ thẩm, phần diện tích đất mồ mả (03 mộ xây tại thửa số 76) nằm trong phần đất có diện tích 1.594m<sup>2</sup> mà ông Lê Văn H2 được hưởng và quản lý, sử dụng (có sổ đo tứ cận và sơ đồ kèm theo).

Đối với 03 ngôi mộ xây tại thửa đất số 76 là nơi chôn cất cha, mẹ và anh của các đồng thừa kế, nên Tòa án không giao cho ai sở hữu. Ông Lê Văn H2 được chia phần đất thì tiếp tục trông nom các ngôi mộ này và tạo điều kiện để người thân trong gia đình được thăm nom theo phong tục, tập quán; nếu có tranh chấp hoặc phải di dời sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

\*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

#### **- Về tố tụng:**

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị A vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án

đều vắng mặt đến lần thứ hai, không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tháo dỡ hàng rào, mở lối đi vào phần đất mồ mã của người thân, tại thửa số 76, tờ bản đồ 80, nằm trong phần đất có diện tích  $1.594m^2$  mà bị đơn ông Lê Văn H2 được phân chia, tọa lạc tại ấp Số X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu khởi kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, được quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**- Về nội dung:**

[3] Phần đất lối đi vào nền mộ đang tranh chấp, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/7/2021, nằm tại thửa số 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp cho ông Lê Văn H2 và bà Mai Thị N, ngày 27/5/2015. Đất nền mộ có diện tích khoảng  $10,5m^2$  nằm cách ranh giới của phần đất giao cho ông Lê Thanh H1 quản lý, sử dụng tại thửa 76 khoảng 01m, ông Lê Văn H2 đã rào hàng rào lưới cước, cột gỗ ngang 5,20m.

[4] Các nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở lối đi, tháo dỡ hàng rào vào đất nền mộ, để được đi lại thăm viếng tự do. Theo hai bản án có hiệu lực pháp luật nêu trên, đã phân chia phần đất mồ mã  $10,5m^2$  cho bị đơn quản lý. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng cũng đã giải thích: *“Ông Lê Văn H2 được chia phần đất thì tiếp tục trông nom các ngôi mộ này và tạo điều kiện để người thân trong gia đình được thăm nom theo phong tục, tập quán; nếu có tranh chấp hoặc phải di dời sẽ giải quyết bằng một vụ án khác”*. Vì vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho nguyên đơn thăm nom các ngôi mộ của người thân, theo phong tục, tập quán, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các khoản 5, 7 Điều 166 và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Ông H2 và bà Mai Thị N tháo dỡ hàng rào lưới cước, mở một lối đi có kích thước ngang 02m, dài 01m (diện tích  $02m^2$ ) vào phần đất mồ mã, tại thửa 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lê Văn H2 và bà Mai Thị N, ngày 27/5/2015 và buộc các nguyên đơn trả cho bị đơn Ông H2 và bà N giá trị phần đất lối đi thành tiền là 180.000 đồng (theo Biên bản định giá tài sản 28/4/2022 giá đất  $01m^2$  là 90.000 đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu mở lối đi có diện tích  $03m^2$ .

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận, theo như nhận định nêu trên.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Các nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi và thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.

- Bị đơn được miễn án phí do thuộc diện hộ nghèo.

[7] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 5.505.000 đồng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Buộc bị đơn phải chịu 2.202.000 đồng, do các nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, cho nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

Buộc các nguyên đơn phải chịu 3.303.000 đồng và đã nộp xong.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 5, 7 Điều 166 và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1) Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Lê Thị P, bà Lê Thị Ph và bà Lê Thị A, buộc bị đơn ông Lê Văn H2 và bà Mai Thị N tháo dỡ hàng rào lưới cước, mở một lối đi có kích thước ngang 02m, dài 01m, có diện tích 02m<sup>2</sup>, ký hiệu (2), vào phần đất mồ mả, tại thửa số 76, tờ bản đồ số 80, tọa lạc tại ấp Số X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp cho ông Lê Văn H2 và bà Mai Thị N, ngày 27/5/2015 và buộc các nguyên đơn bà Ph, bà P và bà A trả cho bị đơn Ông H2 và bà N giá trị phần đất lối đi thành tiền là 180.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với phần yêu cầu mở lối đi có diện tích 03m<sup>2</sup> (có sơ đồ kèm theo).

2) Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3) Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi và thuộc thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.

- Bị đơn được miễn án phí do thuộc diện hộ nghèo.

4) Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 5.505.000 đồng.

- Buộc bị đơn Ông H2 phải chịu 2.202.000 đồng, do các nguyên đơn bà Ph, bà P và bà A đã nộp tạm ứng trước, cho nên bị đơn Ông H2 phải trả lại cho nguyên đơn bà Ph, bà P và bà A số tiền này.

- Buộc các nguyên đơn bà Ph, bà P và bà A phải chịu 3.303.000 đồng và đã nộp xong.

5) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Trần Vinh Thắng**